

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2010/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi một số điều của Quy định quản lý
tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo
Quyết định số 50/2005/QĐ-UBND ngày 30/6/2005 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/ NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 723/TTr-TNMT ngày 19 tháng 5 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2005 của UBND tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi thăm dò (có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò”.

2. Sửa đổi khoản 6 Điều 11 như sau:

“6. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt giếng khai thác (có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất hợp pháp và được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận”.

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 12 như sau:

“5. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình khai thác (có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất hợp pháp và được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận”.

4. Sửa đổi khoản 7 Điều 13 như sau:

“7. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải (có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Trường hợp đất tại nơi đặt công trình xả nước không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất hợp pháp và được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức; các giấy tờ về nhân thân có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn đối với cá nhân”.

6. Thay thế cụm từ “thị xã” bằng cụm từ “thành phố” tại Điều 4 và Điều 8.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh